

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 16/4/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Cảnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Tôn Văn Hùng**.

2. Bà **Đặng Thị Tiềm**.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Tăng Thị Điền** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: (không có)*

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 22/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Kim L**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu phố M, phường NM, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị L1**, sinh năm 1978.

Ông **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu phố M, phường NM, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L xin vắng mặt; bà L1, ông V vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:*

Nguyên trước đây bà có tham gia góp hội với nhiều dây hội của vợ chồng bà L1, ông V làm đầu thảo (chủ hội) khi đến kỳ hót hội thì vợ chồng bà L1, ông V tuyên bố vỡ hội và không giao hội cho bà. Sau đó vào ngày 11/3/2020 vợ chồng bà L1 và ông V có ghi giấy nhận nợ để làm tin thiếu bà số tiền hội là 37.000.000 đồng. Mặc dù bà đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng phía vợ chồng bà L1 và ông V không trả tiền mà cứ hứa lần lựa kéo dài thời gian gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của bà.

Nay bà yêu cầu buộc bà Phạm Thị L1 và ông Nguyễn Tấn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền 37.000.000 đồng và trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Phạm Thị L1 có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2020 xác định:*

Bà thừa nhận có nợ tiền của bà Huỳnh Thị Kim L số tiền hui là 37.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà L mỗi tháng 300.000 đồng cho đến hết số tiền nợ, bắt đầu trả tiền từ ngày 01/01/2021 cho đến hết nợ. Khi nào bà có tiền sẽ trả hết sớm cho bà L.

*Bị đơn ông Nguyễn Tấn V không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Loan mặc dù Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng qui định của pháp luật.*

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Kim L có đơn xin vắng mặt; bà Phạm Thị L1 và ông Nguyễn Tấn V vắng mặt không rõ lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim L có đơn xin vắng mặt phù hợp với quy định pháp luật.

Bị đơn là bà Phạm Thị L1 và ông Nguyễn Tấn V vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là bà L1 và ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 và ông V là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà L đã cung cấp chứng cứ là bản chính biên nhận nợ ngày 11/3/2020 xác định số tiền hui mà bà L1 và ông V còn nợ là 37.000.000 đồng. Đồng thời bà L1 cũng thừa nhận còn nợ của bà L số tiền hui 37.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng. Ngoài ra, mối quan hệ giữa bà L1 và ông V là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, Tòa án đã được sao chụp các chứng cứ tài liệu nêu trên và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật gửi cho ông V nhưng ông cũng không có ý kiến phản đối, phản bác đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ mà bà L đưa ra. Như vậy, ông V mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện cùng chứng cứ do phía bà L đưa ra là đúng. Từ đó, xác định việc bà L1 và ông V có nợ tiền hui của bà L số tiền 37.000.000 đồng là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà Phạm Thị L1 và ông Nguyễn Tấn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền hui là 37.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng của bà L1, không được bà L đồng ý. Đồng thời cũng ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp bà L và không có cơ sở pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 288, 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**Xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim L.

Buộc bà Phạm Thị L1 và ông Nguyễn Tấn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền hụi 37.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành, nếu bà L1 và ông V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[2] Về án phí:

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu số 0006572 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Bà Phạm Thị L1 và ông Nguyễn Tấn V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.850.000 đồng.

*Về quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Minh Cảnh**